

HỒ SƠ ĐEN CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM:

## THUYỀN NHÂN LE DESSIER NOIR DU COMMUNISME

Michel Tauriac  
Nhà Báo Hồ Văn Đồng

### NHỮNG CON BÒ SỮA

“Thuyền Nhân”. Cái danh từ có một âm từ mà mỗi khi chính quyền cộng sản Hà Nội nghe đến nó thì họ nghĩ đến danh từ “đồng đô la”. Thế nhưng cho đến bao giờ người ta mới biết hết được những bất hạnh đã xảy ra cho danh từ đó ? Mặc dù danh từ “Thuyền Nhân” xuất hiện lần đầu tiên trên tờ báo New York Times bởi ngòi bút của Ký Giả Henry Kamm, nhưng ai cũng biết cuộc di tản bằng đường biển của người tỵ nạn Việt Nam đã bắt đầu ngay từ khi các phương tiện bỏ chạy bằng đường bay không còn hữu hiệu nữa vì Sài Gòn đã bị cộng sản chiếm đóng vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Một trong những nhóm người đầu tiên rời khỏi Việt Nam, bằng đường biển vào ngày mất nước hôm đó, là những người tỵ nạn cộng sản. Họ thả xuôi theo giòng nước Sông Cửu Long ra đến cửa biển Cần Thơ, một Thành Phố lớn nhất vùng châu thổ, trên hai chiếc tàu nhỏ và một chiếc ghe, cùng với 20 người Mỹ và trong đó có cả Tổng Lãnh Sự Mc Namara. Cùng trong ngày hôm đó, chiếc chiến hạm Mỹ tên là Mobile, nằm ở cửa biển Sông Sài Gòn, đã thấy có đến hai mươi chiếc tàu đánh cá và một chiếc tàu chở hàng cũ chứa đầy người tỵ nạn. Những người tiên phong cho cả một đám đông khổng lồ ra với hành trang tuyệt vọng.

Ngày hôm sau, thứ Năm, mùng 1, tháng 5, năm 1975. Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ, ở cách bờ biển 35 dặm, đã chứng kiến một đoàn 27 chiếc tàu nhỏ ào ạt tập đến từ Đảo Phú Quốc, một hòn Đảo nhỏ cách Việt Nam 25 dặm. Trên khoang những chiếc tàu, có gần 30.000 người tỵ nạn, trong số 50.000 người mà Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa đã quyết định cho di tản đến Đảo này từ hai ngày sau khi Thủ Đô Sài Gòn thất thủ. Rạng đông ngày Thứ Sáu mùng 2 Tháng 5 năm 1975, trên tàu Blue Ridge, chiếc chiến hạm chỉ huy của Hạm Đội VII với 46 Đơn Vị, đã mang đến 25.000 người Sài Gòn trong số những người cuối cùng có thể thoát khỏi Thành Phố bị bao vây. Trên thành tàu, những người thủy thủ nghiêng mình nhìn xuống một cảnh tượng kinh hoàng mà họ không dám tin là sự thật: Mặt biển được bao phủ bởi hàng ngàn...và...hàng ngàn chiếc thuyền ghe đủ loại đủ cỡ, từ những chiếc xà lan già nua rỉ sét cho đến những chiếc thuyền đánh cá tí hon mong manh và lỗ nhỏ đầy người trên khoang thuyền. Những ký giả được tàu Blue Ridge cứu lên đã ước lượng là có đến khoảng 100.000 người, đó là con số những “Thuyền Nhân” đầu tiên trong lịch sử người Việt Nam Tỵ Nạn cộng sản.

Từ đêm hôm đó cho đến rạng đông ngày mùng 3 tháng 5 năm 1975, lần lượt các nước láng giềng gần ranh giới Việt Nam cũng đã đón nhận được những người đầu tiên bỏ trốn ra khỏi nước mà hành lý mang theo là hai bàn tay trắng với trái tim rướm máu và một tâm hồn tuyệt vọng. Sau này, trước sự vượt biên thường xuyên của họ, chính những Quốc Gia này đã đành phải đẩy họ trở ra biển để trả lại tử thần vì không còn cách nào khác hơn được. Một chiếc tàu 8.000 tấn, có tên là Đông Hải, đã mở đầu con đường hải lộ bi thương này khi thả lên Singapore một nhóm 822 người tỵ nạn. Trong khi đó, ngày mùng 4 tháng 5 năm 1975, 4.500 người khác, trong số có 1.000 thiếu nhi, được lên tàu Đan Mạch Clara Maersk. Họ đã rất may mắn vì chiếc thương thuyền chở họ, có tên là Trường Xuân, đã rời khỏi Việt Nam ngay trước mắt cộng sản, và còn đang ở trong tình trạng sửa chữa. Khi sắp bị chìm thì tàu Trường Xuân được chiếc tàu cứu tinh này từ phương Bắc đến gần và cứu vớt.

Tổng cộng, có khoảng hơn 200.000 người tỵ nạn Việt Nam đã trốn ra khỏi nước trong những ngày đầu tiên của tháng 5. Khoảng 130.000 người được Hoa Kỳ tiếp nhận sau khi qua trạm Phi Luật Tân hay Đảo Guam, một hòn Đảo nằm ở vùng biển Thái Bình Dương mà trước đây có Căn Cứ Hải Quân của Mỹ. Những người khác, thường thì họ mang hai Quốc Tịch Việt

Nam và Pháp nên đã được đi Pháp. Trong số những làn sóng người tỵ nạn đầu tiên có rất nhiều Kỹ Sư, Chuyên Viên đủ ngành và Y Sĩ, họ đều quan ngại đến sự thù ghét mà cộng sản dành cho giai cấp của họ.

Kể từ năm 1975 đến năm 1977, làn sóng “Thuyền Nhân” đã gia tăng đều đặn, và các Trại Tỵ Nạn cũng đã được Phủ Cao Ủy Liên Hiệp Quốc (HCR) đều đặn mở ra tại Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân và Nam Dương hàng ngày đều có thêm người tỵ nạn mới nhập trại. Các Quốc Gia Tây Phương đã rộng rãi chấp nhận một số đông người tỵ nạn đến tạm trú như Pháp, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại và Úc Đại Lợi (bỏ ra nhiều thời gian hơn để quyết định), ngoài ra còn có thêm một số Quốc Gia Âu Châu ở bên ngoài bức màn sắt.

Cho đến đầu năm 1976, cộng sản Việt Nam lại càng thêm cứng rắn và sắt máu với người dân. Nhưng lại hứa hẹn về “hòa hợp hòa giải dân tộc” đã vĩnh viễn bay biến, và các trại cải tạo tập trung đầy áp người, dân chúng miền Nam bị công an cộng sản theo sát như hình với bóng, và mấy chục ngàn người dân Thành Phố bị đày ải đi đến các Thành Phố khô cằn sỏi đá hay rừng thiêng nước độc mà cộng sản Việt Nam che đậy bằng danh từ hoa mỹ là “vùng kinh tế mới”, mà ở đó người dân bước vào kinh tế vô sản với kiếp sống đọa đày và khốn khổ. Cùng trong khi đó thì “luật cải cách ruộng đất” đã tước đoạt hết đất đai của nông dân. Do đó mà người dân Việt Nam đã bất chấp tất cả mọi thử thách kể cả những khó khăn nguy hiểm ngày càng chồng chất, thậm chí có thể bị tù đày hay giết chết, họ vẫn cứ lén lút và chen chúc nhau, từng đêm đi chôn dầu vượt biên, và đùa giỡn với tử thần trên các bờ bãi. Vào năm 1977, đã có hơn 10.000 “Thuyền Nhân” (danh từ này đã trở nên thông dụng) đến Thái Lan và Mã Lai. Các Trại Tỵ Nạn đã phải mở rộng thêm ra và các xứ sở đầu tiên tạm dung họ bắt đầu khó chịu. Và chỉ có một nửa đơn thỉnh nguyện di trú được các nước Tây Phương chấp thuận.

Từ cuối năm 1977 đến đầu năm 1978, tình trạng lại càng thê thảm hơn. 80.000 thuyền nhân đến bờ biển các nước miền Đông và Đông Nam Á Châu, thì có đến 70.000 người đổ xô vào chỉ riêng một nước Thái Lan. Đó là thời điểm mà tiếng đại bác nổ dữ dội ở vùng biên giới Việt-Hoa, và “đàn anh Trung Cộng” đang vác gánh nặng ở vùng biên giới phía Nam vì những cuộc giao tranh giữa quân Khờ-me đỏ và bộ đội cộng sản Việt Nam. Biên cố này đã khiến cho 300.000 người Hoa Kiều bỏ trốn. Hoa Kiều ở miền Bắc thì chạy bộ vượt biên giới sang Trung Cộng, Hoa Kiều ở miền Nam thì dùng đường biển mà chạy lầy mạng. Cộng sản Hà Nội lên án Bắc Kinh là muốn phá hoại tình trạng kinh tế Việt Nam khi chiếm một số dân cư rất năng động kia, mà đa số họ là đang nắm huyết mạch tiền tệ và thương mại thời đó. Con hát mặt hạng của đảng cộng sản Việt Nam, Nguyễn khắc Viện lại rống lên những điệp khúc rẻ tiền do các quan thầy của hắn ở bắc bộ phủ đã soạn sẵn bài bản (Sud Vietnam au fil des années, 241. Éditions en langues étrangères, Hanoi, 1984.): Các gián điệp Trung Cộng dưới sự điều động trực tiếp của Tòa Đại Sứ Trung Cộng ở Hà Nội đã xúi giục người Hoa Kiều hồi hương, nơi đó nhà nước sẵn sàng đón rước họ để tham gia lao động tái thiết “Đại Trung Quốc”. Họ nói là người Việt Nam sẽ tàn sát họ một khi tiếng đại bác đầu tiên phát nổ ở vùng biên giới Việt-Hoa. Như thế, đối với các đảng viên cộng sản Việt Nam, nếu hàng trăm ngàn đồng hương của họ bỏ xứ trốn đi, thì luôn luôn là do bởi sự xúi giục từ “mạng lưới ngầm” của những người nước ngoài đáng ghét.

Mặc dù bên ngoài thì che đậy như thế, nhưng trên thực tế thì phi quyền cộng sản Hà Nội đã tìm ra hai mối lợi: Một cơ hội để dứt bỏ một số dân chúng rất dễ trở nên nguy hiểm trong trường hợp chiến tranh vùng biên giới gây bất lợi, và một cơ hội khác là để nhét đầy túi tiền. Họ đã làm tiền người ra đi sau khi thẳng tay bóc lột sạch sẽ đủ mọi thứ. Ngày 24 tháng 3 năm 1978, cộng sản Việt Nam bắt đầu tung công an ra tấn công tài sản của “giới tư sản mại bản” ở Chợ Lớn, khu vực người Hoa Kiều tại Sài Gòn. Tất cả tài sản của Cộng Đồng Người Hoa Kiều đều bị “quốc hữu hóa” đồng lúc với tư doanh. Bàn ghế, nhà cửa, nữ trang, quý thạch, đồ sứ đất tiền, và đồ dùng các thứ đều trở thành “tài sản nhân dân”. Kho tàng của chiến tranh, mà cộng sản Hà Nội hy vọng như vậy, để bù trừ các hậu quả của việc bỏ trốn gây

ảnh hưởng đến nạn kinh tế quốc gia. Không cần phải phí phạm một giây khắc suy nghĩ nào, người ta cũng có thể hiểu được rằng việc đó sẽ đưa cộng sản Việt Nam vào chỗ bế tắc sau này.

Vì bị khốn đốn trong tuyệt vọng, người Hoa Kiều đã bắt buộc phải đặt chân lên những con tàu. Người ta còn nhớ câu chuyện chiếc tàu hàng hải cũ kỹ tên là Hồng Hải sắp bị chìm trong Hải Cảng Klong ở Mã Lai, với 2.500 hành khách mà phần lớn là người Việt gốc Hoa, đã bị khước từ không cho lên bờ. Thảm cảnh này đã làm rung động lương tâm thế giới và thúc đẩy xu hướng cứu cấp của người Tây Phương. Một trong số đó là một Y Sĩ người Pháp, một cựu đảng viên đã ly khai đảng cộng sản, ông ta đã tìm cách đền bù lỗi lầm vì đã hoạt động cho cộng sản bằng cách mua một chiếc tàu dùng để ra biển Đông vớt người tỵ nạn, mặc dù các "cựu đồng chí" của ông thấy động cơ đó không đúng chỗ. Sự ra đi của tất cả những hành khách không ngày về đó đã được tổ chức trong bóng tối, mà mỗi người đều phải mang nợ để đáp ứng yêu sách vô hạn định. Dù cho có phải là Hoa Kiều hay không, ngày nay người ta đều có thể rời khỏi Việt Nam "bán chính thức", cho dù người Hoa Kiều bị cưỡng bách hay là do tự ý ra đi như tất cả mọi người, họ đều muốn chạy thoát khỏi nanh vuốt của kẻ áp bức là cộng sản Việt Nam.

Để che đậy tội ác và lừa bịp thế giới, cộng sản Hà Nội lên tiếng xuyên tạc sự thật rằng: Làm sao dám giả định là các thuyền nhân trốn lánh một sự áp bức thường trực? Bọn này chỉ tuân theo mệnh lệnh của Washington và muốn phá hoại nạn kinh tế nước nhà bằng cách tước đoạt lấy chất xám. Và những luận điệu này đã được chúng lập đi lập lại nhiều lần với báo chí Tây Phương. Chưa hết, mỗi ngày, tên bác sĩ viết cộng hành nghề con hát tên Nguyễn Khắc Viện, đều kể lể trong bản thông tin của bọn phi quyền cộng sản và trên các tài liệu tuyên truyền của chúng dành cho "người nước ngoài" rằng: Hoa Kỳ đã đề nghị cùng những người vượt biên là sẽ chở họ đi với giá từ khoảng 2.000 đến 3.000 đô la, đến tận các tàu Hải Quân Mỹ đậu ngoài khơi chờ đón. Những chuyên viên giỏi và trí thức thì không phải trả tiền gì cả, hẳn ta còn dám xác nhận rằng: "Giờ đây chúng tôi có thể quả quyết rằng nhà nước không cưỡng bức một ai phải bỏ xứ ra đi, và cũng không giữ một ai muốn ra nước ngoài sinh sống". Thật vậy, nếu một vài người bị "lâm lạc" bởi các "lực lượng phản động ở trong nước và ngoài nước", hẳn ta còn thêm vào, đó là vì "họ không có can đảm đi khai khẩn các vùng đất mới". Nguyễn Khắc Viện đưa ra thí dụ của một đồng nghiệp Bác Sĩ, dưới chế độ cũ thì ông bạn đồng nghiệp này "đi xe ô tô và sống trong vi la có gắn máy lạnh" và trở thành "quản lý của một bệnh viện công". Như thế thì làm sao người này có thể sống trong một "xã hội mới", thích nghi với một "xã hội cách mạng?" Còn về phần nhà nước, tuy rất tiếc khi thấy những người này ra đi, nhưng không thể làm được gì khác hơn là cầu chúc cho họ được thượng lộ bình an.

Những bài diễn văn kiêu ngạo biện và xuyên tạc như trên, chúng ta thường thấy xuất hiện dưới ngòi bút của các ký giả cộng sản, là những người duy nhất vào thời điểm đó được ra vào Việt Nam, đóng kín ở phía sau bức màn sắt đầy đe dọa, từ tháng 5 năm 1975, như một con nhím đang dương những cọng gai nhọn hoắt. Và hai mươi năm sau, nó vẫn còn nằm trong cửa miệng của một vài tay bình luận Tây Phương. Thí dụ như miệng của một phóng viên báo Pháp-Đức, Arte [Le Grand Documentaire, ngày 11 tháng 2.1995], đã chứng kiến cảnh đào thùy lợi bằng tay không của "những người dân can đảm của mười làng ra công hợp sức", và tìm được trong "cái thú vị của sự nỗ lực chung", và để giải thích lý do tại sao mà nhiều vạn người khác quyết định trốn khỏi nước Việt Nam cộng sản, thì hẳn ta châm biếm rằng họ không thể "có cái cảm giác xây dựng quê hương xứ sở, như là cha ông họ đã từng đánh giặc bằng vũ khí trên tay". Chỉ có những con hát mới biết mặt thật của họ ở phía sau lớp phấn son, và chỉ có cộng sản mới biết sự thật của họ ở phía sau bức màn sắt, do đó một cựu Đại Tá Việt cộng như Bùi Tín thì dĩ nhiên là phải biết rõ Việt cộng hơn một tên phóng viên của tờ báo Arte. Ông Bùi Tín giải thích điều đó trong quyển sách "Vietnam, La face cachée du régime", [147, Kergour, 1999], viết ít lâu sau khi ông đến lưu vong tại Paris. Việc hồi lộ của các người

Hoa Kiều ra đi “bán chính thức” được chính bộ nội vụ tổ chức. Được biết đó là “Kế Hoạch 2”, mà mục đích được giữ kín, có cả một loạt những công tác cho phép các giới chức tổ chức cuộc ra đi của các người lưu vong mới sau khi “nhỏ sạch lông” của họ một cách rất có phương pháp. Mỗi người phải trả giá vượt biên từ 3 đến 5 lượng vàng (một lượng = 36 grams), có khi gấp đôi. Nhà cửa, xe cộ, hoặc của cải để lại cho nhà nước.

Khi đến chỗ xuống tàu, thường thì ở ngay tại Thành Phố như Cần Thơ, bên bờ Cửu Long, chẳng hạn, người ra đi phải chịu đựng những sự bóc lột cuối cùng như: Bị tịch thu do các băng đảng tự cho là có quyền lực lợi, lấy vàng, nữ trang hoặc đô la mà người tỵ nạn có thể còn cất dấu được. Sau đó thì xuống tàu với nỗi lo sợ rằng chiếc tàu chở mình sẽ có một phần hai cơ hội sẽ bị hải tặc tấn công để lấy nốt những mẫu vàng còn sót lại trên người trước khi ném họ xuống biển. Thế nhưng khi đã lên được tàu rồi vẫn còn chưa yên với tuần cảnh địa phương nếu tàu chưa ra đến hải phận quốc tế. Nếu muốn thoát khỏi không bị bắt lại, thì tốt hơn hết là đưa ra chút của cải nào còn được dấu vào chỗ kín nhất. Bằng không thì sẽ bị bắt lại, và trong trường hợp này, tội danh là phản bội và bị “đế quốc Mỹ” mua chuộc. Tội này có thể ngồi tù từ 12 năm cho đến 20 năm (sắc luật luôn luôn có sẵn để tham khảo).

Những người chọn cách đi tỵ nạn bằng đường bộ xuyên qua lãnh thổ Lào hay Cam Bốt đến Thái Lan thì gọi là Bộ Nhân (land people). Những cuộc hành trình vượt biên đi tỵ nạn bằng đường bộ thì luôn luôn gặp nguy hiểm. Họ sẽ bị công an, hay bộ đội, hay là cảnh vệ nhân dân đuổi bắt, và có khi chỉ là người đi đường, thường là có liên hệ với cộng sản. Còn những người vượt biên nào “muốn được”, theo với giá do quân đội nhân dân ấn định, một chiếc xe vận tải quân sự chở quân nhu, cho phép họ núp bên trong thùng lớn, cách này được sử dụng khá thường xuyên, nhưng có khi cũng bị ngộp thở chết vì hơi xăng, và các nạn nhân trong trường hợp này cũng khá đông.

Những người may mắn hơn hết là có thể “kiếm” được một “giấy xuất cảnh chính thức” và vé máy bay đến tận Hoa Kỳ. Nhờ vào một kế hoạch do Liên Hiệp Quốc tổ chức với sự thỏa thuận giữa Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội vào năm 1979. Thế nhưng họ cũng vẫn chịu hạch sách và tống tiền thì đến xin xuất cảnh chính thức mới qua lọt, nhiều khi phải mất đến mười năm chờ đợi. Ngay chính Hoa Kỳ còn bị hạch sách đủ điều, và phải trả tiền cho từng đầu người tỵ nạn để được phê chuẩn cho phép đi.

Do đó, cộng sản Việt Nam đã phát minh ra được “NHỮNG CON BÒ SỮA THUYỀN NHÂN” của họ. Một nhà nghiên cứu ở Ba Lê tên là Bùi Xuân Quang, trong cuốn sách *La Troisième guerre D'Indochine 1975-1999* (207-590, L'Harmattan, 2000), ông đã tính toán “mối giao dịch” này của cộng sản Việt Nam, kéo dài ròng rã 20 năm kể từ 1975 đến 1995, đã mang lại cho ngân khố của nhà nước cộng sản Việt Nam khoảng 25 TẤN VÀNG. Với chừng ấy vàng mà người ta thấy xuất hiện trên thị trường tiền tệ Tây Phương dưới hình dạng các thỏi vàng mang ấn dấu của Việt Nam. Chủ yếu của nó là dùng vào việc bồi hoàn những số nợ mà bọn phi quyền cộng sản Việt Nam đã ký kết với cộng sản Nga và các xứ dân chủ nhân dân cùng tiền mua vũ khí chiến tranh, số vàng ấy lên đến trị giá khoảng 2.5 tỷ Mỹ Kim, tính trong khoảng thời gian từ năm 1979 đến năm 1983.

Hiệp sống với nỗi ám ảnh là bỏ nước ra đi. Tôi còn nhớ tiếng nói của người “Thuyền Nhân” mà chúng tôi đã từng gặp nhau trên bãi biển Songkla tại Thái Lan giữa những người khác, bên cạnh chiếc tàu bị hư của họ, mà tôi đã được nghe anh kể lại câu chuyện thống khổ của anh. Và cho đến bây giờ bên tai tôi vẫn còn văng vẳng lời kể lại của anh: Vào một đêm nọ ở Việt Nam, một tên cán bộ cộng sản Việt Nam đã nói khế vào tai anh: “hai ngàn đô la, hay 4 cây vàng...” Anh đồng ý với mỗi làm ăn, thế nhưng khi đến chỗ hẹn thì Hiệp mới nhận ra mình đã bị cướp. Thuyền thì chẳng thấy đâu mà vàng thì bị mất. Đó là cái họa luôn luôn rình rập và cũng là một trong những cái giá mà những người muốn vượt biên tìm tự do. Làm sao để tránh khỏi bị lường gạt, cướp bóc hoặc bị tố cáo, và tìm ra đường giây tốt. Tôi biết có một “Thuyền Nhân” đã không thành công trong việc đi tỵ nạn mặc dù đã thử đến 27 lần. Hiệp thì đi hết 3 lần, và sau đó thì anh quyết định tự tổ chức lấy chuyến vượt biên. Anh đã lén lút tự và

viú một chiếc tàu đánh cá cũ. Từng đêm rồi lại từng đêm cứ lo bèo rồi lại trét, và những đêm trắng đêm hi hục sửa chữa máy móc. Thế rồi cuối cùng thì ngày khởi hành cũng đến, chiếc tàu đánh cá cũ kỹ của anh mang theo 85 người rời bãi xuôi giòng và trôi dọc theo những con kênh chạy dài ra biển.

Hiệp lập lại cho chúng tôi nghe với một vẻ thống khổ: “Chúng tôi có 85 người trên chiếc tàu này và đã rất sung sướng vì có thể rời khỏi Việt Nam. Bây giờ thì ông hãy nhìn xem, ngày hôm nay chúng tôi chỉ còn có hai người. Hai người sống sót duy nhất là Ngọc, con gái của chị tôi và tôi”. Với cái đầu ướt lạnh như con mèo chết đuối và thân thể đói khát gầy trơ xương sườn như một con chó hoang, cùng với đứa bé gái lên sáu tuổi có đôi mắt nai khô. Chúng tôi đã khóc. Nước mắt của những kẻ thừa mứa tự do đã đổ xuống mặn ướt câu chuyện phiêu lưu liêu chết tìm tự do của anh. Anh đã bị kẹt lại ở Trại Songkla này cùng với Ngọc sau khi thoát chết khỏi những bàn tay đẫm máu của bọn hải tặc Thái Lan đã giết chết chị anh cùng tất cả hành khách trên tàu sau khi chúng bắt mang theo gần hết phụ nữ.

Vào tháng 10 năm 1978 có 20.000 người tỵ nạn đặt chân lên bờ biển Mã Lai, và chỉ đến tháng 12 năm đó con số đã lên đến 50.000 người. Cộng thêm vào con số 5.000 người đi chân đất với ước vọng đã đến được bến bờ tự do. Chỉ trong vòng 4 tháng cũng đủ cho hòn đảo hoang Pulau Bidong đón nhận được 20.000. Vào khoảng giữa năm 1979, có 5000 người tỵ nạn mới đến thêm vào con số những người anh em khốn khổ trong trại tỵ nạn Hồng Kông, trong khi có 90.500 người khác làm đầy ắp trại tỵ nạn Mã Lai. Những người mà cảnh sát địa phương từ chối đẩy ra biển đã trôi giạt đến Nam Dương, hoặc xa hơn nữa, đến tận Nam Hàn, hay Nhật Bản, và có khi đến tận Úc Đại Lợi. Hãy thử nhắm mắt và tưởng tượng cuộc hành trình liêu chết để tìm tự do của họ trên khoang một con tàu bé nhỏ mong manh...

Bất thành linh, một hồi chuông báo động nổi lên khi hai nước Thái Lan và Mã Lai tuyên bố rằng từ nay về sau họ sẽ không nhận thêm thuyền nhân mới. Bị dẫn vào đường cùng, Liên Hiệp Quốc phải triệu tập một Hội Nghị Quốc Tế ở Genève và thu hoạch được ba kết quả là: Các Quốc Gia ở vùng duyên hải bảo đảm là thuyền nhân sẽ không bị đẩy lui ra biển, các Quốc Gia tiếp nhận họ gia tăng thêm một số lượng hạn định tái định cư bổ túc là 130.000 người và quan trọng nhất là Hà Nội, lo ngại khi phương diện của chúng bị bôi đen tối dân ở biển Đông trước sự bất mãn của cả thế giới, nên đã cho phép thuyền nhân có thể ra đi chính thức hợp pháp “trong vòng trật tự”, bằng phương tiện hàng không, chương trình này Liên Hiệp Quốc gọi là “Ra đi Trong Vòng Trật Tự” (Orderly Departure Program) viết tắt là ODP. Kể từ giờ phút đó, nhịp điệu những người vượt biển đến các trại tỵ nạn thưa thớt một cách rõ rệt. Mức độ từ 300.000 người vào năm 1979, xuống chỉ còn 24.500 vào năm 1984, và đến năm 1986 chỉ còn 19.500 người. Cũng vào năm đó, lần đầu tiên, các cuộc ra đi tỵ nạn chính thức bằng hàng không với giấy nhập cảnh nhiều hơn con số những người trôi dạt đến bằng đường biển. Kết quả của Hội Ngự Thuyền Nhân tại Genève đã thỏa mãn thấy rõ, nơi mà Liên Hiệp Quốc nhắm vào một giải pháp mới cho vấn đề “Thuyền Nhân”.

Nhưng chỉ hai năm sau thì tình hình lại đổi ngược và đã làm cho thế giới thất vọng. Những người tỵ nạn đi tìm tự do lại trở ra biển: Con số từng lên 45.000 người vào năm 1988 (25.000 người nhiều hơn hai năm trước đó), 71.300 người vào năm 1989, trong số đó phải cộng thêm vào khoảng 17.000 người “bộ nhân”. Vấn đề trở nên không giải quyết được và các Quốc Gia ở vùng duyên hải bắt đầu nổi giận.

Đó chính là lý do mà tại Trại tỵ nạn Hồng Kông, nơi mà mỗi ngày có đến 34.000 “Thuyền Nhân” mới nhập trại, và chính quyền Hồng Kông quyết định từ đó về sau họ sẽ đưa những người mới đến vào trại tạm giam. Thế là những cuộc nổi loạn và từ từ nổi tiếp theo quyết định của chính quyền Hồng Kông. Để đóng chặt cánh cửa ngăn chặn hẳn cái mạch chính của làn sóng vượt biển tìm tự do không ngừng này, các Quốc Gia tiếp nhận di trú lại tập hợp lại thêm một lần nữa và họ đã tìm ra một biện pháp mới gọi là PAG (Plan d'Action Global) tức là Chương Trình Hành Động Toàn Cầu. Bất cứ thuyền nhân nào đến trước ngày 13 tháng 3 năm 1989 ở một Quốc Gia lân cận Việt Nam, kể từ đó, trên phương diện hành

chánh, được xem như một người có quyền xin cư trú, nghĩa là một người tỵ nạn chính trị hoàn toàn có quyền hy vọng được đi sống hết cuộc đời mình ở một nước Tây Phương. Dĩ nhiên là với điều kiện xứ này phải bằng lòng cấp cho họ một visa nhập cảnh. Ngược lại, đối với một người tỵ nạn lên bờ sau ngày 19 tháng 3 năm 1989. Họ bị xếp loại là di dân kinh tế, người đó phải chứng minh được mình có một sự sợ hãi có căn cứ về việc bị xử tội, nếu không thì người đó bị đe dọa là sẽ bị cưỡng bách hồi hương. Trừ phi chính mình tự quyết định quay về nước.

Đó là điều Hiệp đã làm. Quy chế tỵ nạn chính trị của anh bị từ khước, anh biết mình không còn cơ hội được nhận vào Hoa Kỳ. Tuy nhiên, anh cũng phân vân rất lâu trước khi chấp nhận ý tưởng hồi hương. Bởi vì cũng như phần đông các người tỵ nạn khác, anh sẽ bị bắt nhốt vào tù một khi trở về Việt Nam. Anh chưa bao giờ làm chính trị, nhưng có người anh từng chiến đấu trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, và ông nội anh làm việc cho chính phủ bảo hộ. Hai vết đen đó trên lý lịch cá nhân có thể khiến anh phải trả giá rất đắt. Nhưng rồi có một lá thư từ Sài Gòn gửi đến Trại tỵ nạn Thái Lan Phanat Nikhom, nơi anh tạm trú, đã trấn an anh được phần nào. Một trong những người bạn vượt biên cũ của anh, đã tình nguyện về Việt Nam, cho anh biết là mọi chuyện khá tốt đẹp ở đó, và khuyến khích anh cùng về.

Năm 1993, chúng tôi gặp lại Hiệp ở quê hương anh, và lại khóc lần nữa. Thế nhưng lần này thì chúng tôi cùng khóc mừng rỡ khi thấy anh đã thoát nạn. Anh là một trong 110.000 cựu "Thuyền Nhân" kể từ năm 1989 đã chọn hồi hương thay vì tiếp tục chết dần mòn ở một Trại tỵ nạn Á Châu. Nhờ có sự giúp đỡ tài chánh của Phủ Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc (HCR) và Liên Minh Âu Châu, mà giờ đây anh trở thành chủ nhân của một xưởng pha chế nước mắm và một căn nhà nho nhỏ hai phòng, gần Vũng Tàu, mà tên cũ người Pháp gọi là Cap Saint-Jacques, trên bờ biển Miền Nam mà ngày xưa anh đã bỏ ra đi tìm tự do không bao giờ có và tưởng rằng không bao giờ anh sẽ phải trở lại nơi đây. Anh sống cùng bà quá phụ của một trong những người bạn đã biến mất trên biển đi tìm tự do, cùng với người em gái và ba đứa con của bà. "Nhà của chúng tôi tuy nhỏ nhưng chúng tôi có thể chứa được đủ thứ. Ở trên thuyền còn ít chỗ hơn".

Trong những cuộc vận động và thỏa thuận cùng Hà Nội, Liên Hiệp Quốc đã cố gắng tạo điều kiện tốt cho những người cứng rắn, ngõ hầu giúp cho họ tự quyết định sắp xếp quay về. Họ cho chiếu những cuốn phim quay tại Việt Nam mà trong đó cho thấy cảnh những người cựu thuyền nhân tình nguyện hồi hương "sống như những ông hoàng". Các cán bộ cộng sản còn đến gặp họ để tặng bóc. Họ gáy lên những điệp khúc tuyên truyền nào là Việt Nam đã thay đổi, và ở đó người ta sống tự do và ai đói thì cứ ăn.

Bọn phi quyền Hà Nội có thể tự khen chúng. NHỮNG CON BÒ SỮA THUYỀN NHÂN ĐÃ MANG ĐẾN CHO BỌN PHI QUYỀN CỘNG SẢN HÀ NỘI RẤT NHIỀU QUYỀN LỢI. CHƯA HẾT, NHỮNG CON BÒ SỮA VẪN CÒN TIẾP TỤC CUNG CẤP SỮA DƯ Ở TẬN BÊN KIA BỜ ĐẠI DƯƠNG. Qua những gói quà họ gửi về cho gia đình mà những người tỵ nạn không bao giờ ngưng gửi về nuôi thân bằng quyến thuộc còn kẹt lại ở Việt Nam, bắt đầu từ ngày đầu tiên họ đặt chân định cư trên một Quốc Gia tự do. Bằng những đồng tiền mồ hôi nước mắt mà họ không bao giờ ngưng chuyển về ngõ hầu giúp đỡ những người thân sống còn. Và bằng sự hiện diện của họ bởi vì ngày nay họ được phép về nước nghỉ hè bên cạnh thân bằng quyến thuộc. Một ước tính vào năm 1999 cho thấy có đến hai tỷ đồng đô la hàng năm họ đã mang lại cho phi quyền cộng sản, tức là một phần ba ngân sách của nhà nước cộng sản Việt Nam.

GỖN HAI TRIỆU NGƯỜI VIỆT NAM ĐÃ CHỌN ĐỜI SỐNG LƯU VONG NƠI XA LẠ QUÊ NGƯỜI THAY VÌ LÀM NÔ LỆ CHO CỘNG SẢN, HÀNG TRĂN NGÀN NGƯỜI ĐÃ GỤC CHẾT TRÊN ĐƯỜNG TRỐN CHẠY NANH VƯỢT CỘNG SẢN VIỆT NAM. KẼ NÀO ĐÃ DÁM ĂN NÓI NGƯỢC NGẠO, VÀ TUYÊN TRUYỀN LÁO KHOÉT RẰNG TOÀN THỂ NHÂN DÂN MIỀN NAM VIỆT NAM ĐOÀN KẾT CÙNG CÁC "ANH HÙNG GIẢI PHÓNG" VÀO NĂM 1975 ???

Nỗi ám ảnh bỏ nước ra đi của Hiệp. Tôi còn nghe anh nói, run rẩy trong bộ đồ bà ba ướt sũng nước biển, gia tài duy nhất còn sót lại trong đời anh. Giữa vùng Vịnh Thái Lan, tiếng máy tàu của Hiệp hình như văng vẳng tiếng kêu của những linh hồn lia xác. Thức ăn và nước uống đều sắp cạn. Những người đàn bà quý trên khoang tàu khản nguyện trời đất. Phải chăng trời đất đã chấp thuận lời cầu nguyện của những thuyền nhân vừa mới thoát ra khỏi nanh vuốt cộng sản và đang dẫy trên giữa lòng đại dương ??? Vào giữa trưa ngày thứ sáu, có một chiếc thuyền lướt sóng chạy nhanh về phía họ. Đó là một chiếc thuyền đánh cá Thái Lan. Rồi hai chiếc...rồi ba chiếc....Thoát nạn chăng? Nhưng...Than ôi, đó là những chiếc thuyền hải tặc Thái Lan. Chúng cướp bóc trên tàu, giết chết những người đàn ông kháng cự, và bắt đi 18 người đàn bà trẻ nhất, rồi bỏ đi sau khi đâm thủng tàu. Những người Việt Nam cứ bám vào thân tàu thì bị chúng dùng gậy đập chết. Khi trời sáng thì chỉ còn hai người sống sót duy nhất đang bám víu vào sự sống cuối cùng là chiếc thùng đựng nước bằng nhựa hóa học mà định mệnh của họ bấp bênh theo sóng biển vô tình. Hai người đó là Hiệp và Ngọc, cô bé gái có đôi mắt của con nai bị thương vừa thoát chết dưới lưới hái của tử thần. Tôi nhìn cô bé đầu nghiêng mắt nai, tựa cằm trên bàn, và dăm dăm nhìn tôi với ánh mắt đê đờ. Dường như tất cả tuổi thơ đã bỏ em mà đi. Cô bé chỉ còn lại một khoảng trống rỗng của đời người. Một chiếc bình hoa tuyệt mỹ đã rơi xuống bên thềm địa ngục và tan vỡ giữa trần gian.

Đó là lịch sử của những người chạy trốn nanh vuốt cộng sản mà đời gọi họ là “THUYỀN NHÂN”, và cũng có những người còn mệnh danh họ là kẻ “CHẾT ĐUỐI CHO TỰ DO”. Lịch sử của một Dân Tộc trong suốt 20 năm trường đã bị tàn hại dưới nanh vuốt của một thứ chính trị đầy thù hận và kẻ thù của bất cứ một chế độ cộng sản nào.

\*\*\*

## **PHỤ LỤC**

**Quyết Định Của Hội Đồng Chính Phủ số 100/CP ngày 12 tháng 4 năm 1977:**

### **Ban hành chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân ở các Tỉnh phía Nam**

Hội Đồng Chính Phủ

Tiếp theo bản Tuyên Bố của chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam hiện nay. Đề đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân ở các Tỉnh phía Nam. Theo đề nghị của các ông Bộ Trưởng Bộ Nội Thương, Trưởng Ban Cải Tạo công thương nghiệp tư doanh trung ương trong phiên họp Hội đồng chính phủ ngày 25 tháng 2 năm 1977.

Quyết Định:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo quyết định này bản chính sách về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân ở các Tỉnh phía Nam.

Điều 2.- Các ông Bộ Trưởng Bộ Nội Thương, Trưởng Ban Cải Tạo công thương nghiệp tư doanh Trung ương, Thủ Trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ Tịch Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành Phố trực thuộc Trung ương ở phía Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân ở các Tỉnh phía Nam (Ban hành theo Quyết Định của Hội Đồng Chính Phủ số 100/CP ngày 12 tháng 4 năm 1977)

I. Mục đích, yêu cầu.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân ở các Tỉnh phía Nam phải đạt được mục đích, yêu cầu sau đây:

- Trên cơ sở xây dựng và phát triển thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng và Chính phủ, thực hiện xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất, trong đó thương nghiệp quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.

- Thương nghiệp quốc doanh phải hoàn toàn nắm vững khâu bán buôn (bán sỉ) và phần lớn khâu bán lẻ, trước hết nhằm vào những mặt hàng thuộc nhu cầu thiết yếu đối với sản xuất,

đời sống và xuất khẩu, trên cơ sở đó mà không ngừng mở rộng giao lưu hàng hóa có tổ chức, bảo đảm cho sản xuất không ngừng phát triển, cải thiện từng bước đời sống của nhân dân.

- Thông qua việc cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh, cải tạo tiểu thương và tổ chức mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mà thúc đẩy quá trình phân bổ lại lao động, xã hội, giảm bớt số người buôn bán hiện nay quá đông, xóa bỏ nạn đầu cơ, buôn bán trái phép, tích cực chuyển tư sản thương nghiệp và phần lớn tiểu thương sang sản xuất.

- Giáo dục, phát động quần chúng, thực hiện quyền làm chủ tập thể của công nhân và lao động, xây dựng chỗ dựa vững chắc để tiến hành cải tạo, quy hoạch và sắp xếp lại mạng lưới thương nghiệp xã hội được hợp lý hơn, sử dụng những cơ sở, phương tiện kinh doanh của thương nghiệp tư nhân vào mục đích lưu thông phân phối hàng hóa có kế hoạch và tổ chức phục vụ tốt hơn cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

## II. Hình thức cải tạo, những chính sách và những biện pháp thực hiện

### 1. Hình thức cải tạo:

- Chuyển tư sản thương nghiệp và những người buôn bán nhỏ sang sản xuất là biện pháp chủ yếu để cải tạo thương nghiệp tư nhân.

- Đối với thương nghiệp tư bản tư doanh, nói chung, Nhà nước không đặt vấn đề công tư hợp doanh. Song, cá biệt có những hộ có phương tiện kinh doanh tốt mà từ trước đến nay vẫn ủng hộ cách mạng và chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách của Nhà nước thì có thể tiến hành công tư hợp doanh theo hình thức định lãi, nhằm tận dụng các cơ sở vật chất, kỹ thuật, và khả năng nghiệp vụ, quản lý của họ.

- Có thể lựa chọn để sử dụng một số nhà Tư sản thương nghiệp làm đại lý bán lẻ hàng hóa cho Thương nghiệp quốc doanh, nhưng phải có biện pháp kiểm soát và quản lý chặt chẽ.

- Đối với một số người buôn bán nhỏ còn được tạm thời tiếp tục kinh doanh, thì tổ chức họ lại thành những hình thức thích hợp như Tổ thương nghiệp, Tổ mua bán hàng... để thông qua đó mà tiến hành việc giáo dục và quản lý họ.

### 2. Chính sách cụ thể:

- Đối với các cơ sở kinh doanh thương nghiệp của Mỹ nguy, của tư sản mại bản, của tư sản có tội đã bỏ trốn ra nước ngoài, của bọn nguy quân, nguy quyền có nhiều tội ác, của tư sản gian thương lớn, thì tịch thu và tổ chức thành quốc doanh.

- Đối với các cơ sở kinh doanh thương nghiệp vắng chủ, mà không có người thừa kế hợp pháp, hoặc người đang quản lý không có đủ giấy ủy quyền hợp pháp, thì Nhà nước trực tiếp quản lý, sau này khi người chủ về, Nhà nước sẽ tùy từng trường hợp cụ thể mà giải quyết theo chính sách chung.

- Đối với một số người muốn xin hiến tài sản cho Nhà nước, sẽ xét và chấp nhận cho hiến theo đúng tinh thần quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ số 434/TTg ngày 30 tháng 10 năm 1976.

- Có thể trưng thu hoặc trưng mua những cơ sở và phương tiện kinh doanh còn tốt của tư sản thương nghiệp. Số tiền trưng mua sẽ được Nhà nước chuyển qua Ngân Hàng Nhà Nước và trả dần trong một số năm, tùy theo nhu cầu hợp lý về vốn để sản xuất và sinh hoạt của từng hộ tư sản. Thương nghiệp quốc doanh có thể lựa chọn để sử dụng một số nhà tư sản có kỹ thuật và nghiệp vụ quản lý kinh doanh, trước đây quan hệ tốt với cách mạng và hiện nay có thái độ tuân thủ và chấp hành các chính sách, luật pháp của Nhà nước.

- Đối với các công nhân, người bán hàng đang làm thuê cho các nhà tư sản thương nghiệp, nhà nước sẽ tuyển dụng vào làm trong mạng lưới thương nghiệp quốc doanh.

3. Một số biện pháp chủ yếu để bảo đảm làm tốt cải tạo thương nghiệp tư nhân đi đôi với phát triển nhanh chóng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và thương nghiệp hợp tác xã:

#### a. Kiên quyết tập trung các nguồn hàng chủ yếu trong tay Nhà nước.

- Đối với các loại hàng nông sản, thủy sản, hải sản và thực phẩm, ngoài những mặt hàng đã có quy định thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý như lương thực, muối... Nhà

nước cần thống nhất thu mua ở những vùng sản xuất tập trung một số mặt hàng quan trọng như: Cá, thịt lợn, trâu bò, rau và trái cây đặc sản để xuất khẩu, lạc, đậu các loại, hạt tiêu, dứa, mía cây, và đường mật, thuốc lá, chè, cà phê, bông, đay, gai, cói (lác), tơ tằm v.v... ở những vùng này, không cho thương nhân hoạt động, tranh mua với Nhà nước. Các cơ quan thương nghiệp và vật tư phải phối hợp vận dụng đồng bộ các biện pháp: Giúp đỡ sản xuất, giáo dục chính trị, định giá mua hợp lý, thực hiện hợp đồng hai chiều, quản lý thị trường... để bảo đảm tập trung nguồn hàng vào trong tay Nhà nước. Các nông trường quốc doanh phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước.

- Đối với các loại hàng công nghiệp, thủ công nghiệp, các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh phải thực hiện chế độ giao nộp, tức là bán toàn bộ sản phẩm cho thương nghiệp Nhà nước. Đối với các xí nghiệp tư nhân, bao gồm cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp quốc doanh ký hợp đồng đặt mua sản phẩm, hoặc dùng chính sách gia công, hay bán nguyên liệu mua thành phẩm, để nắm nguồn hàng, trước hết nhằm vào những sản phẩm dùng nguyên liệu vật tư chủ yếu do Nhà nước thống nhất quản lý phân phối.

b. Tổ chức tốt mạng lưới phân phối hàng hóa đến tay người tiêu thụ theo một chính sách tiêu dùng hợp lý, tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ tích trữ và buôn lậu: Tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, quân đội và nhân dân thấy rõ khó khăn thiếu thốn chung trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và sau một cuộc chiến tranh lâu dài tàn phá đất nước ta, động viên mọi người vừa ra sức góp phần khôi phục và phát triển sản xuất, vừa có ý thức tiết kiệm tiêu dùng phù hợp với khả năng kinh tế của nước ta hiện nay. Mặt khác, các Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành sản xuất và lưu thông từ Trung ương đến địa phương phải đề cao trách nhiệm của mình, làm thật tốt việc sản xuất, thu mua và phân phối, tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh bình ổn vật giá, để không ngừng giảm bớt khó khăn trong đời sống của nhân dân. Trong điều kiện khả năng hàng hóa của ta có hạn, thị trường tự do còn tác động trong cuộc sống hàng ngày, phải tiến hành phân phối hàng hóa một cách có kế hoạch và có tổ chức cho các nhu cầu, để bảo đảm việc phân phối được công bằng, hợp lý, đúng đối tượng, chống đầu cơ, lợi dụng. Đi đôi với việc tổ chức phân phối hàng hóa tới tay người tiêu thụ theo giá chỉ đạo của Nhà nước, phải tổ chức và quản lý các nghề kinh doanh ăn uống và phục vụ trên thị trường, từ đó mà góp phần tổ chức cuộc sống cho nhân dân lao động được tốt hơn. Trong năm 1977, ngành thương nghiệp phải cùng các tổ chức Công đoàn các cơ quan, xí nghiệp, trường học... chấn chỉnh tổ chức và quản lý các nhà ăn tập thể, tổ chức việc ăn và nghỉ cho cán bộ, công nhân, viên chức đi công tác dọc các tuyến đường chính, quản lý gia công may quần áo và sửa chữa xe đạp, xe máy ở các thành phố, thị xã... Để thực hiện được những mục tiêu nói trên, phải mở rộng hơn nữa mạng lưới phân phối hàng hóa về tới quận, huyện, xã, phường, lỵ thị xã, phường làm đơn vị phân phối, phát triển và củng cố các hợp tác xã tiêu thụ ở thành thị và hợp tác xã mua, bán ở nông thôn, các căng tin trong cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, cơ quan và đơn vị lực lượng vũ trang v.v...

c. Phải làm tốt việc giáo dục nhân viên thương nghiệp, làm cho mọi người có trách nhiệm đầy đủ, tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân đúng đắn, chống tệ cửa quyền, hách dịch, móc ngoặc, cảm tình nể nang, đề phòng sự thoái hóa về phẩm chất, đạo đức.

d. Về tổ chức thực hiện, cần tăng cường giáo dục bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thương nghiệp về chính trị, tư tưởng, nghiệp vụ quản lý và kinh doanh, kiện toàn tổ chức ngành nội thương đủ sức làm tốt cả hai chức năng: Quản lý hành chính thương nghiệp, chỉ đạo và tổ chức kinh doanh, bảo đảm cho việc vận động hàng hoá được hợp lý, phù hợp với yêu cầu tổ chức lại nền kinh tế cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, cần đào tạo gấp và bố trí đủ số cán bộ cần thiết để làm công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân theo từng ngành hàng, gắn liền việc cải tạo với việc xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để thay thế kịp thời thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và buôn bán nhỏ được cải tạo theo hướng chuyên sang sản xuất là chủ yếu... Trong hai năm 1977 và 1978, phải hoàn thành về cơ bản việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, và chuyển một phần lớn

tiêu thương sản xuất, đi đôi với phát triển nhanh chóng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Bộ Nội Thương chịu trách nhiệm phối hợp với Ban Cải Tạo công thương nghiệp tư doanh Trung ương có kế hoạch phổ biến hướng dẫn và tổ chức thực hiện quyết định này đồng thời đôn đốc và kiểm tra các ngành có liên quan và các địa phương cùng thực hiện đạt kết quả tốt.

\*\*\*

Quyết định của Hội Đồng Chính Phủ số 111/CP ngày 14 tháng 4 năm 1977:

Về việc ban hành chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở các đô thị của các Tỉnh phía Nam Hội Đồng Chính Phủ. Tiếp theo bản tuyên bố của Chính phủ về chính sách đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam hiện nay. Đề tăng cường quản lý nhà đất và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân ở các Tỉnh phía Nam. Theo đề nghị của đồng chí Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng và của đồng chí Trưởng Ban Cải Tạo công thương nghiệp tư doanh Trung ương trong phiên họp Hội Đồng Chính Phủ ngày 25/2/1977.

Quyết Định:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo quyết định này bản chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất cho thuê ở các đô thị các Tỉnh phía Nam.

Điều 2.- Các đồng chí Thủ Trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội Đồng Chính Phủ và các đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành Phố trực thuộc Trung ương ở phía Nam có trách nhiệm thi hành quyết định này, các đồng chí Bộ Trưởng các Bộ Xây Dựng, Nội Vụ, Ngoại Giao và các đồng chí Trưởng Ban Cải Tạo công thương nghiệp tư doanh Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các ngành, các cấp thi hành quyết định này, tùy theo chức năng quản lý và những vấn đề có liên quan đến ngành mình. Chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở các đô thị các Tỉnh phía Nam (Ban hành theo Quyết Định của Hội Đồng Chính Phủ số 111/CP ngày 14/4/1977)

Mục đích yêu cầu Việc quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở các đô thị, các Tỉnh phía Nam cần đạt được mục đích, yêu cầu sau đây:

- Xóa bỏ kinh doanh bóc lột về nhà đất, thực hiện thống nhất quản lý của Nhà nước về nhà đất ở đô thị.

- Cải tạo đến đâu, quản lý tốt đến đó, đồng thời tiến hành quy hoạch, bố trí, sắp xếp điều chỉnh lại những khu vực sản xuất, khu vực hành chính, sự nghiệp, khu vực ở và các cơ sở phúc lợi công cộng...sao cho công bằng, hợp lý và có lợi nhất, trên tinh thần tận dụng cơ sở sẵn có, kết hợp với xây dựng mới, từng bước giải quyết chỗ làm việc cho cơ quan Nhà nước và chỗ ở cho công nhân, nhân viên và nhân dân lao động chưa có chỗ ở hoặc ở quá chật, cải thiện từng bước điều kiện nhà ở của nhân dân góp phần ổn định và phát triển sản xuất.

- Tăng cường việc bảo quản, sửa chữa nhà cửa và từng bước cải tạo và xây dựng thành thị theo hướng xã hội chủ nghĩa.

I. Chính sách đối với nhà đất, cho thuê:

1. Nhà nước quốc hữu hóa toàn bộ nhà cho thuê, không kể diện tích cho thuê nhiều hay ít của tư sản mại bản, của địa chủ, của tư sản gian thương lớn, của những người phạm tội nặng về chính trị và kinh tế của các tổ chức phản động.

2. Nhà nước trực tiếp quản lý toàn bộ nhà cho thuê của các chủ là cá nhân, công ty, đoàn hội, tôn giáo v.v...trừ trường hợp nhân dân lao động có ít diện tích cho nhau thuê để ở hoặc cho ở nhờ. Tùy theo chất lượng, công dụng của từng ngôi nhà, tùy theo diện tích cho thuê nhiều hay ít, tùy theo thu nhập của chủ nhà cao hay thấp, Nhà nước để cho những chủ nhà là cá nhân được hưởng một phần tiền thuê nhà. Phần chủ nhà được hưởng sẽ do Bộ Xây Dựng quy định cụ thể, nhiều nhất không quá 25% tiền thuê nhà. Riêng đối với những chủ nhà là cá nhân có ít nhà cho thuê để ở, diện tích cho thuê dưới 150 m<sup>2</sup> ở các Tỉnh, dưới 200 m<sup>2</sup> ở Thành phố Hồ chí Minh, hoặc thu tiền cho thuê nhà (không kể tiền đặt cọc) hàng năm dưới 600 đồng ở các Tỉnh và 800 đồng ở Thành phố Hồ chí Minh thì trước mắt chủ nhà vẫn được

tạm thời cho thuê nhưng phải chấp hành đầy đủ những quy định thống nhất về đăng ký, hợp đồng giá cho thuê, điều lệ bảo quản sửa chữa, quyền lưu trú của người thuê.

3. Nhà nước trực tiếp quản lý tất cả các biệt thự cho thuê (không kể diện tích nhiều hay ít) và toàn bộ diện tích nhà cho thuê không phải để ở mà để làm cửa hàng, bệnh viện, trường học (không kể diện tích cho thuê nhiều hay ít). Nhà nước trực tiếp quản lý tất cả các cư xá công và tư, không kể là cư xá cho thuê hay ở không mất tiền. Đối với những căn hộ mà người ở đã mua đứt và có giấy tờ hợp lệ thì coi như của riêng, nếu không phải là đối tượng bị tịch thu trưng thu thì người đã mua nhà được Nhà nước thừa nhận quyền sở hữu.

4. Đối với thân sĩ trí thức, gia đình có công với cách mạng có nhà cho thuê thì vận động họ hiến. Công nhân, viên chức Nhà nước và đảng viên có nhà cho thuê hoặc đang quản lý nhà cho thuê thì giao những nhà đó cho Nhà nước quản lý.

5. Những chủ có nhà cho thuê mà không có chỗ ở được giữ lại một diện tích để ở tương đương với bình quân diện tích chung ngoài xã hội hoặc có thể rộng hơn một ít tùy theo cấu trúc của ngôi nhà.

6. Nhà nước trực tiếp quản lý toàn bộ đất cho thuê không phân biệt diện tích nhiều hay ít và nói chung không bồi hoàn, trừ trường hợp đặc biệt.

7. Người đang thuê đất được phép sử dụng mà không được mua bán, chuyển dịch và phải tuân theo những quy định về quản lý nhà đất ở đô thị.

## II. Đối với nhà, đất vắng chủ

1. Tất cả những nhà, đất và tài sản vắng chủ của người Việt Nam và ngoại kiều đều do Nhà nước trực tiếp quản lý. Khi người chủ về, Nhà nước sẽ giải quyết với họ. Không ai được chiếm dụng, tự ý chuyển nhượng, mua bán nhà cửa, tài sản vắng chủ khi không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhà nước quản lý sử dụng những nhà, đất và tài sản vắng chủ cho thuê theo chính sách cải tạo nhà cho thuê.

3. Nhà nước quản lý sử dụng những nhà, đất và tài sản vắng chủ của những người đã ra nước ngoài làm ăn buôn bán, hành nghề từ trước ngày giải phóng, khi họ trở về sẽ tùy từng trường hợp mà nghiên cứu giải quyết sau. Riêng đối với những người sau đây, khi họ trở về, Nhà nước sẽ xét từng trường hợp cụ thể mà trả lại nhà cửa, tài sản cho họ:

a. Những người làm ăn lương thiện đi chữa bệnh, đi thăm viếng bà con, đi học ở nước ngoài.

b. Những người đi tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến.

c. Những người là nhân dân lao động vì hoang mang sợ hãi bỏ chạy đi các nơi trước và trong những ngày giải phóng.

4. Những nhà, đất và tài sản mà trước khi vắng, chủ nhà đã ủy quyền hợp pháp cho những người là con đẻ, vợ hoặc chồng hợp pháp của mình quản lý thì những người ấy được tiếp tục quản lý và phải chấp hành những chính sách quản lý nhà, đất của Nhà nước, trường hợp chưa kịp ủy quyền hợp pháp thì Nhà nước cho phép những người là cha mẹ, con đẻ, vợ hoặc chồng hợp pháp của họ trước đây đã ở trong những nhà ấy, nay được tiếp tục ở nhưng không được bán, chuyển dịch bất động sản. Đối với thân nhân không phải là cha mẹ, vợ chồng, con của các chủ vắng mặt mà trước đây cùng ở chung với chủ nhà, nếu nay còn ở lại thì sẽ được thu xếp cho ở một chỗ trong nhà hoặc xếp ở nơi khác.

5. Những trường hợp xin thừa kế, xin hiến nhà, đất và tài sản vắng chủ sẽ được nghiên cứu giải quyết từng trường hợp cụ thể theo chính sách.

6. Ủy ban nhân dân thành phố, tỉnh thống nhất quản lý những nhà đất và tài sản vắng chủ tại địa phương. Cơ quan quản lý nhà đất và cơ quan tài chính chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, kiểm kê định giá, xử lý và thanh toán với chủ nhà khi họ trở về theo đúng các chính sách chế độ và thống nhất quản lý nhà đất và tài sản vắng chủ của Nhà nước.

## III. Đối với nhà, đất của các đoàn, hội tôn giáo

Để bảo đảm thống nhất quản lý nhà cửa, bảo đảm tôn trọng tự do tín ngưỡng và căn cứ vào các chế độ, chính sách khác của Nhà nước, việc quản lý của các đoàn, hội tôn giáo ở các Tỉnh phía Nam được quy định như sau:

1. Nhà nước bảo hộ mọi nhà thờ, chùa chiền, miếu mạo, thánh thất được thực sự và thuần túy dùng vào việc thờ cúng hành đạo.

2. Nhà nước tịch thu toàn bộ nhà đất của các Đoàn Hội các tổ chức không được Nhà nước thừa nhận và cho phép hoạt động.

3. Nhà, đất của các đoàn, hội, các tổ chức khác và của các tôn giáo hiện đang cho thuê được giải quyết theo chính sách chung về nhà, đất cho thuê. Riêng đối với các nhà tập trung của các tổ chức, các tôn giáo đã cho hội viên, giáo dân của mình nhờ, hoặc ở thuê với giá rất rẻ mà không nằm trong phạm vi nơi thờ cúng, hành đạo thì Nhà nước có thể xét cấp hẳn cho người đang sử dụng.

4. Những nhà cửa đất đai khác còn bỏ trống hoặc dùng vào mục đích không phải thờ cúng, hành đạo, thì Nhà nước vận động thuyết phục giáo dân giao cho Nhà nước dùng vào việc phục vụ lợi ích chung.

IV. Đối với nhà, đất của các tổ chức và cá nhân thuộc bộ máy cai trị của ngụy quân ngụy quyền và đảng phái phản động

1. Mọi loại nhà cửa, đất đai trước ngày giải phóng do chính quyền Mỹ ngụy quản lý hoặc dành cho những tổ chức hay cá nhân, thuộc ngụy quân ngụy quyền và các tổ chức đảng phái phản động sử dụng, nay đều là tài sản công cộng, do Nhà nước trực tiếp quản lý.

2. Nhà cửa, đất đai của những người sau đây đều do Nhà nước trực tiếp quản lý:

- Sĩ quan ngụy quân cấp từ Thiếu Tá trở lên.

- Sĩ quan cảnh sát từ cấp Trung Úy trở lên.

- Cán bộ thuộc bộ máy cai trị của ngụy quyền đã giữ chức vụ, từ Chủ Sự Phòng cơ quan Trung ương, Ty Phó, Quận Phó trở lên.

- Các phần tử ác ôn, mật vụ, tình báo, chiêu hồi cố tình phản cách mạng.

3. Những người có nhà cho thuê và nhà thuộc diện Nhà nước trực tiếp quản lý, tùy theo chức vụ cấp bậc, quá trình hoạt động dưới thời Mỹ ngụy và thái độ chính trị hiện nay của đương sự mà có thể chiếu cố dành cho một diện tích ở thích đáng, nếu chưa có chỗ ở.

V. Đối với nhà đất của ngoại kiều Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không thừa nhận mọi cam kết của chính quyền Mỹ ngụy với các nước và các tổ chức quốc tế có cơ quan ở miền Nam Việt Nam. Nhà nước không thừa nhận quyền sở hữu về bất động sản đã có của các nước và của ngoại kiều trên lãnh thổ Việt Nam từ trước ngày giải phóng. Chính phủ sẽ giải quyết các vấn đề tồn tại về các loại nhà, đất này theo hướng sau đây:

1. Quốc hữu hóa không bồi hoàn toàn bộ đất đai, nhà cho thuê của chính phủ nước ngoài và ngoại kiều. Xét trường hợp cụ thể có hình thức xử lý thích đáng, không bồi hoàn, bồi hoàn tương trưng, bồi hoàn một phần tùy theo quan hệ ngoại giao giữa nước ta với nước hữu quan nếu là nhà thuộc quyền sở hữu của Nhà nước hữu quan, và tùy theo tính chất kinh doanh bóc lột của ngoại kiều nếu là nhà thuộc quyền sở hữu của ngoại kiều.

2. Tịch thu toàn bộ tài sản:

a. Của nước trực tiếp tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam.

b. Của ngoại kiều trực tiếp phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

c. Của nước ngoài đã được sử dụng vào mục đích của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

3. Đối với nhà làm việc và nhà ở của các Chính phủ nước ngoài khác và của các tổ chức quốc tế thì giải quyết như sau:

Nếu là nhà mua hoặc tự xây cất hợp pháp, căn cứ vào quy hoạch của đô thị mà có thể cho họ giữ lại một số nhà cần thiết để làm cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan nghiệp vụ được Nhà nước ta chấp nhận. Những nhà không dùng vào công việc trên thì phải nhượng lại. Đối với những nhà không mua hoặc xây cất không hợp pháp thì Nhà nước quản lý không bồi hoàn.

#### 4. Nhà của ngoại kiều:

- Đối với những ngoại kiều được ở lại nước ta làm ăn sinh sống, có nhà tự xây dựng hợp pháp thì được thừa nhận quyền sử dụng để ở.

- Đối với ngoại kiều được phép xuất cảnh: Nếu là người lao động, thì Nhà nước cho phép bán nhà mà họ đang ở hoặc tự xây cất hợp pháp. Nếu có cha mẹ, vợ chồng hợp pháp, con đẻ được ở lại và đã cùng ở chung một hộ thì có thể được xét cho nhận ủy quyền quản lý. Đối với nhà của ngoại kiều không phải là nhân dân lao động thì trước khi xuất cảnh đều phải giao lại cho Nhà nước quản lý, và tùy từng trường hợp, Nhà nước sẽ không bồi hoàn, bồi hoàn tượng trưng, hoặc bồi hoàn một phần.